

## THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,269.80 điểm, tăng hơn 19 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin, Hóa chất, Dầu khí dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể tiếp tục tiến về 1,275. Tuy nhiên đà tăng vẫn thiếu sự ủng hộ của dòng tiền, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng khi chỉ số tiếp cận những vùng tâm lý cũ.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

## CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/05/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

## ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+19.43** điểm, đóng cửa tại **1269.8** điểm. HNX-Index **+1.80** điểm, đóng cửa tại **215.21** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.90)**, **GVR (+1.71)**, **FPT (+1.66)**, **BID (+0.92)**, **BCM (+0.74)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HVN (-0.13)**, **FRT (-0.09)**, **BWE (-0.09)**, **HAG (-0.04)**, **VSC (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,187** tỷ đồng, tăng **17.64%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,020 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.07 điểm. Thị trường có **230** mã tăng, 49 mã tham chiếu, **92** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **248.77** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (145.25 tỷ)**, **MBB (119.72 tỷ)**, **HPG (102.50 tỷ)**, **MSN (75.76 tỷ)**, **DXG (65.36 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **10.27** tỷ đồng.

## DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.10%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - FPT (+4.19%)** ([Link báo cáo](#))
  - MSN (+3.45%)**
  - HCM (+3.16%)**
- BSC50 **+1.42%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - VIC (+6.95%)**
  - GVR (+6.84%)**
  - VGC (+6.67%)**

### Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.10%	1.42%	1.55%	1.99%
1 tuần	2.36%	3.10%	3.55%	3.16%
1 tháng	12.98%	11.21%	12.09%	12.83%
3 tháng	-7.75%	-6.44%	-0.42%	0.77%

### Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,269.80	215.21	92.98
% 1D	1.55%	0.84%	0.06%
GTKL (tỷ VND)	18,187	1,095	443
%1D	17.64%	16.90%	4.64%
GDNN (tỷ VND)	248.77	10.27	-17.48

### Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	145.25	VHM	-282.21
MBB	119.72	VCB	-59.88
HPG	102.50	SSI	-51.35
MSN	75.76	VRE	-48.43
DXG	65.36	VPB	-48.32

### Thị trường thế giới

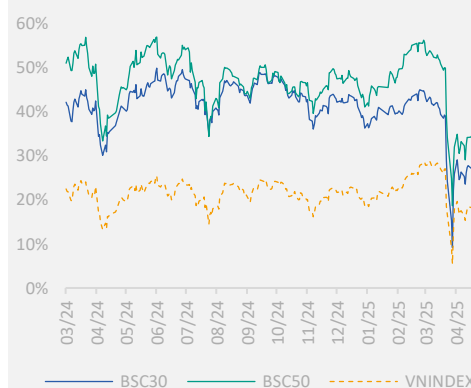
		%D	%W
SPX	5,631	0.43%	1.12%
FTSE100	8,579	0.23%	0.99%
Eurostoxx	5,289	0.61%	2.33%
Shanghai	3,352	0.44%	1.93%
Nikkei	36,929	0.41%	3.39%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
<b>Hàng hóa</b>		
Giá dầu Brent	61.65	0.87%
Giá vàng	3,337	-1.23%
<b>Tỷ giá</b>		
USD/VND	26,150	0.08%
EUR/VND	30,249	-0.15%
JPY/VND	185	0.00%
<b>Lãi suất</b>		
LS TPCP 10Y	3.2%	0.02%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

### Hiệu suất BSC30, BSC50



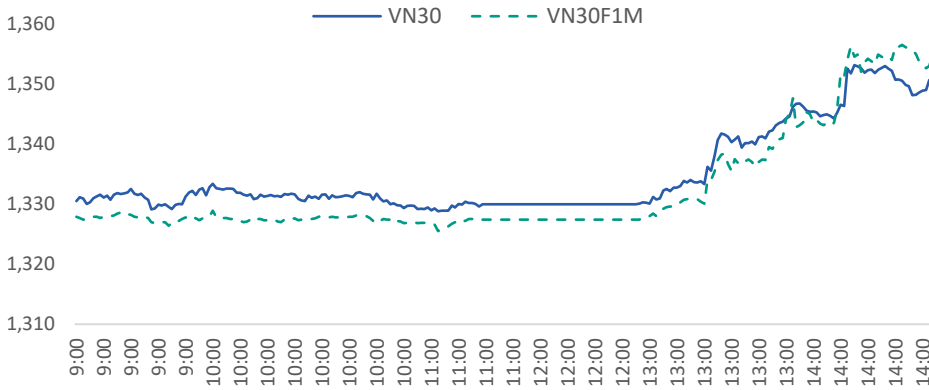
Nguồn: BSC tổng hợp

### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

**THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI**
**VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday**

*Nguồn: BSC Research*

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1349.90	2.01%	108	191.9%	9/18/2025	133
VN30F2512	1350.50	1.92%	69	115.6%	12/18/2025	224
VN30F2505	1355.00	2.26%	194,249	36.5%	5/15/2025	7
VN30F2506	1346.10	1.63%	1,670	334.9%	6/19/2025	42

*Nguồn: FiinproX, BSC Research*
**Nguyen Giang Anh**
[anhng@bsc.com.vn](mailto:anhng@bsc.com.vn)
**Top CP tác động tích cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	78.50	6.95%	8.58
FPT	114.30	4.19%	5.28
MSN	63.00	3.45%	2.46
LPB	33.05	2.64%	1.50
HPG	25.70	1.18%	1.50

*Nguồn: Bloomberg, BSC Research*
**Top CP tác động tiêu cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
BVH	48.90	-0.20%	0.00

*Nguồn: Bloomberg, BSC Research*
**Nhận định**

- VN30 +26.30 điểm, đóng cửa tại 1351.1 điểm. Biên độ dao động 29.28 điểm. Các cổ phiếu như VIC, FPT, MSN, LPB, HPG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh và bật tăng cuối phiên nhờ dòng tiền lớn đổ vào thị trường. Thanh khoản thị trường ghi nhận cải thiện. Chiến lược là Long/Short linh hoạt đối với phái sinh trong bối cảnh chờ thông tin chính thức từ cuộc đàm phán Việt Nam - hoa Kỳ.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2505.

**Thị trường chứng quyền có bảo đảm**

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2408	5/14/2025	6	16,700	-88.82%	6.50	40	300.0%	8.97	6.74	60.30	60.30
CFPT2504	5/26/2025	18	2,803,000	-85.74%	16.00	30	200.0%	9.83	16.30	114.30	114.30
CVNM2401	5/21/2025	13	96,300	-88.30%	6.33	50	66.7%	6.65	6.72	57.40	57.40
CVPB2401	5/21/2025	13	77,500	-87.94%	1.99	30	50.0%	7.90	2.05	17.00	17.00
CSTB2501	6/26/2025	49	1,400	-68.73%	3.35	3,000	42.2%	12.06	12.35	39.50	39.50
CMSN2501	6/26/2025	49	185,800	-87.05%	7.20	120	33.3%	6.98	8.16	63.00	63.00
CVIB2406	7/28/2025	81	326,800	-82.84%	1.90	280	33.3%	3.93	3.02	17.60	17.60
CMSN2404	7/28/2025	81	803,500	-86.06%	7.90	220	29.4%	13.80	8.78	63.00	63.00
CVIB2503	6/30/2025	53	2,000	-85.40%	2.12	450	28.6%	15.49	2.57	17.60	17.60
CFPT2405	8/14/2025	98	504,800	-80.02%	13.41	950	28.4%	10.18	22.84	114.30	114.30
CVIC2508	12/19/2025	225	551,400	-60.57%	6.10	4,970	25.8%	14.52	30.95	78.50	78.50
CMSN2502	5/26/2025	18	1,015,000	-88.02%	7.30	50	25.0%	11.14	7.55	63.00	63.00
CVIC2504	7/21/2025	74	98,200	-60.39%	5.44	5,130	24.8%	14.62	31.09	78.50	78.50
CVIC2505	9/19/2025	134	18,100	-61.08%	5.56	5,000	22.9%	14.61	30.56	78.50	78.50
CSTB2503	5/26/2025	18	253,300	-79.09%	3.50	2,380	21.4%	18.00	8.26	39.50	39.50
CMSN2510	2/23/2026	291	181,800	-75.81%	8.34	690	21.1%	5.50	15.24	63.00	63.00
CVIC2407	6/30/2025	53	130,600	-55.61%	4.90	5,990	20.5%	14.73	34.85	78.50	78.50
CVIC2506	10/20/2025	165	200	-62.13%	5.78	4,790	20.4%	14.57	29.73	78.50	78.50
CHDB2501	6/30/2025	53	12,100	-87.20%	2.48	120	20.0%	9.39	2.72	21.25	21.25
CMSN2408	6/30/2025	53	1,200	-85.45%	8.57	60	20.0%	5.45	9.17	63.00	63.00

**Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất  
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

\*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 08/05/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2408 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 300.00%. CVRE2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.07%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVHM2408, CVIC2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2402, CVIC2503, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**
**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	78.50	6.95%	4.90	3.82
GVR	26.55	6.84%	1.71	4.00
FPT	114.30	4.19%	1.66	1.47
BID	35.45	1.58%	0.92	7.02
BCM	60.00	5.08%	0.74	1.04

**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index**

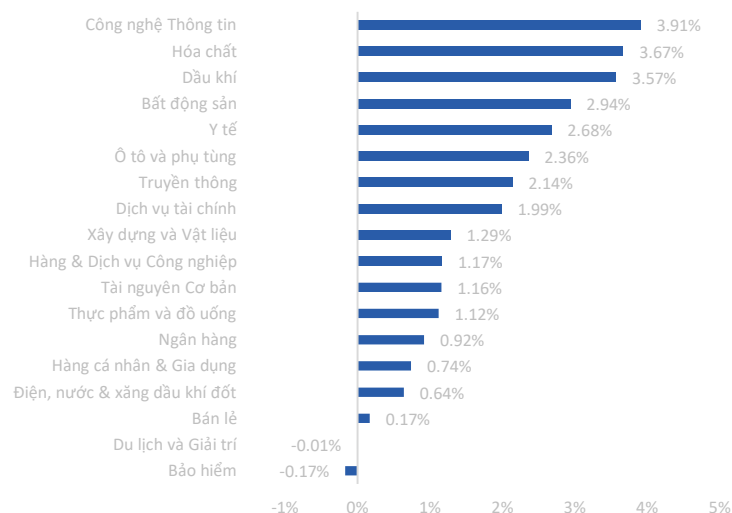
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	39.00	4.00%	0.32	0.33
PVI	56.00	2.56%	0.21	0.23
BAB	11.30	1.80%	0.12	0.96
PVS	27.00	1.50%	0.12	0.48
MBS	26.90	1.13%	0.11	0.57

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHS	12.25	6.99%	0.07	14.41
SMC	9.04	6.98%	0.01	1.81
VIC	78.50	6.95%	4.90	7.23
SGR	27.00	6.93%	0.11	0.31
SFC	22.45	6.90%	0.00	0.00

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PRC	40.80	9.97%	0.02	0.06
CMC	6.80	9.68%	0.01	0.01
VE3	9.10	9.64%	0.00	0.00
CAN	44.40	9.63%	0.08	0.00
VHL	10.40	9.47%	0.09	0.01

**Hình 1  
Diễn biến ngành cấp 2**

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	34.70	-0.72%	-0.13	2.21
FRT	170.50	-1.56%	-0.09	0.14
BWE	51.10	-3.22%	-0.09	0.22
HAG	13.00	-1.14%	-0.04	1.06
VSC	22.90	-2.14%	-0.03	0.30

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index**

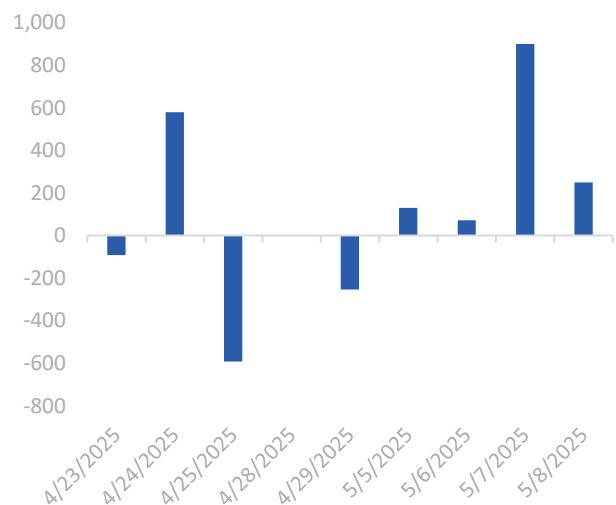
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	189.00	-2.43%	-0.57	0.20
DTK	12.10	-6.92%	-0.35	0.68
NTP	70.80	-2.75%	-0.17	0.14
HGM	312.30	-2.10%	-0.05	0.01
VIT	18.50	-6.57%	-0.04	0.05

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAX	13.60	-8.72%	-0.03	0.73
CLW	42.80	-6.96%	-0.01	0.00
PMG	7.63	-6.84%	-0.01	0.00
SC5	17.10	-6.81%	0.00	0.00
TCD	1.73	-6.49%	-0.01	4.07

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TBX	20.10	-9.87%	-0.01	0.00
HTC	26.00	-9.72%	-0.15	0.00
BST	10.30	-9.65%	0.00	0.00
SMT	9.70	-9.35%	-0.02	0.00
SVN	7.10	-8.97%	-0.05	0.47

**Hình 2  
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinProX, BSC Research

**DANH MỤC BSC30**

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.3	0.3%	1.4	89,180	564.3	2,982	20.2		46.8%	
KBC	Bất động sản	24.6	1.0%	1.7	18,845	237.1	1,629	15.1		16.0%	
KDH	Bất động sản	28.8	0.7%	1.2	29,121	101.8	896	32.1		35.8%	
PDR	Bất động sản	16.6	0.0%	1.7	15,060	101.2	181	91.9	23,600	7.9%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	62.2	0.3%	1.1	255,481	796.4	7,766	8.0	58,200	12.3%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ Thông tin	114.3	4.2%	1.1	168,143	1510.7	5,618	20.4	163,000	40.9%	<a href="#">Link</a>
BSR	Dầu khí	18.0	1.7%	0.0	55,654	80.5	(37)	-488.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.0	1.5%	1.3	12,905	128.4	2,303	11.7	40,300	15.6%	<a href="#">Link</a>
HCM	Dịch vụ tài chính	26.1	3.2%	1.8	18,791	368.0	1,394	18.7		39.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.1	1.1%	1.5	45,319	426.2	1,546	15.0		35.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.9	1.2%	1.5	26,462	215.9	1,602	23.0		30.1%	
DCM	Hóa chất	34.0	-0.6%	1.7	18,000	76.8	2,805	12.1	37,800	5.1%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	92.2	0.1%	1.5	35,016	127.0	8,224	11.2	108,500	15.2%	<a href="#">Link</a>
ACB	Ngân hàng	24.2	0.6%	0.8	107,870	190.7	3,708	6.5	30,400	30.0%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	35.5	1.6%	1.0	248,907	164.0	3,643	9.7	47,000	17.5%	<a href="#">Link</a>
CTG	Ngân hàng	37.6	0.3%	0.9	201,643	301.0	4,806	7.8	50,000	26.8%	<a href="#">Link</a>
HDB	Ngân hàng	21.3	1.4%	0.9	74,270	248.5	3,985	5.3		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.6	1.3%	0.9	143,709	491.6	4,049	5.8	28,200	22.2%	<a href="#">Link</a>
MSB	Ngân hàng	11.4	1.3%	1.2	29,510	114.4	2,150	5.3	14,000	27.3%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	39.5	1.7%	0.9	74,466	528.3	5,767	6.9		20.9%	
TCB	Ngân hàng	27.4	1.5%	1.1	193,577	506.2	3,013	9.1	32,700	22.5%	<a href="#">Link</a>
TPB	Ngân hàng	14.1	1.1%	1.0	37,119	240.7	2,383	5.9	-	22.9%	<a href="#">Link</a>
VCB	Ngân hàng	57.1	0.2%	0.5	477,109	175.0	4,063	14.1		22.4%	
VIB	Ngân hàng	17.6	0.9%	0.8	52,433	88.0	2,400	7.3	23,000	5.0%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	17.0	0.0%	0.9	134,877	262.9	2,030	8.4	24,000	24.4%	<a href="#">Link</a>
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.7	1.2%	1.1	164,384	526.1	1,954	13.2	37,500	21.9%	<a href="#">Link</a>
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.8	1.4%	1.5	9,159	144.2	749	19.7	16,800	5.9%	<a href="#">Link</a>
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	0.2%	1.9	9,237	153.9	3,930	7.0	32,200	2.3%	<a href="#">Link</a>
MSN	Thực phẩm và đồ uống	63.0	3.5%	1.4	90,616	275.2	1,518	41.5		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.4	0.4%	0.5	119,963	193.5	4,194	13.7		48.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

**DANH MỤC BSC50**

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.9	2.73%	1.9	7,419	60.0	2,098	16.1	18.8%	15.7%	<a href="#">Link</a>
FRT	Bán lẻ	170.5	-1.56%	1.2	23,229	57.2	3,279	52.0	32.4%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	48.9	-0.20%	1.1	36,300	28.9	2,975	16.4	26.9%	9.7%	
DIG	Bất động sản	15.5	-0.96%	1.5	9,453	125.8	321	48.2	3.2%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.1	0.31%	1.5	13,977	194.9	372	43.1	21.7%	2.5%	<a href="#">Link</a>
HDC	Bất động sản	23.1	-1.28%	1.4	4,120	49.7	436	53.0	3.6%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.4	-0.41%	1.5	8,206	34.9	839	29.1	19.7%	4.6%	<a href="#">Link</a>
IDC	Bất động sản	39.0	4.00%	1.4	12,870	155.8	4,982	7.8	16.6%	31.2%	
NLG	Bất động sản	31.5	2.61%	1.6	12,130	147.0	1,827	17.2	38.9%	7.4%	<a href="#">Link</a>
SIP	Bất động sản	68.1	3.18%	0.0	14,337	73.7	6,076	11.2	4.6%	29.7%	
SZC	Bất động sản	32.5	4.67%	1.7	5,850	123.7	2,036	16.0	2.6%	11.8%	<a href="#">Link</a>
TCH	Bất động sản	18.2	3.42%	1.7	12,128	213.6	1,279	14.2	9.3%	9.1%	<a href="#">Link</a>
VIC	Bất động sản	78.5	6.95%	1.1	300,157	556.7	2,823	27.8	7.6%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.0	0.40%	1.2	56,808	201.6	1,844	13.6	19.8%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.8	1.50%	1.1	7,131	43.9	1,654	20.4	36.6%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.7	6.57%	1.0	45,360	143.1	1,535	23.3	17.4%	7.6%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	18.5	1.10%	1.4	10,256	173.7	1,246	14.8	8.0%	4.4%	<a href="#">Link</a>
FTS	Dịch vụ tài chính	38.8	3.20%	2.0	11,854	152.1	1,816	21.3	27.8%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.9	1.13%	1.8	15,408	95.6	1,650	16.3	6.8%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.4	1.49%	0.8	143,840	52.7	4,543	13.5	1.7%	17.0%	<a href="#">Link</a>
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	0.79%	1.0	29,976	116.2	606	21.1	3.8%	4.4%	<a href="#">Link</a>
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.7	0.29%	1.0	32,830	24.2	4,511	15.5	49.0%	11.4%	<a href="#">Link</a>
VJC	Du lịch và Giải trí	89.8	1.01%	0.6	48,637	63.0	2,825	31.8	12.5%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30.3	1.85%	1.8	26,041	307.9	2,052	14.8	10.2%	12.8%	<a href="#">Link</a>
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.5	0.96%	1.2	22,060	148.1	3,797	13.8	39.8%	11.9%	<a href="#">Link</a>
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.4	1.35%	1.4	8,755	146.2	5,594	12.1	12.6%	25.8%	<a href="#">Link</a>
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.9	0.46%	1.4	7,797	53.0	3,026	7.2	11.3%	14.2%	<a href="#">Link</a>
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.7	0.18%	0.0	13,725	98.5	3,235	34.8	6.7%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	74.0	1.65%	1.0	25,005	119.4	6,105	12.1	46.6%	18.6%	<a href="#">Link</a>
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.4	1.00%	1.0	3,091	75.0	2,869	10.6	49.9%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.8	1.71%	1.3	2,182	17.6	2,580	6.9	17.0%	17.0%	<a href="#">Link</a>
DPM	Hóa chất	34.2	0.88%	1.5	13,384	76.1	1,223	28.0	8.9%	4.3%	<a href="#">Link</a>
GVR	Hóa chất	26.6	6.84%	2.2	106,200	261.7	1,174	22.6	0.6%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.3	1.32%	1.0	35,857	142.3	1,856	10.4	4.0%	14.0%	<a href="#">Link</a>
LPB	Ngân hàng	33.1	2.64%	0.7	98,730	130.2	3,333	9.9	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.1	0.59%	0.0	23,471	17.2	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.5	0.00%	1.0	25,891	21.2	1,189	8.8	19.1%	9.4%	<a href="#">Link</a>
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.5	1.22%	1.5	5,572	113.5	1,122	11.1	5.4%	5.9%	<a href="#">Link</a>
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.6	-0.95%	1.6	4,154	20.4	612	25.5	0.7%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.1	-1.16%	0.8	10,367	154.3	1,447	23.6	2.9%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.6	1.04%	1.2	62,268	45.1	3,217	15.1	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.7	-0.19%	1.4	11,604	46.0	6,721	7.7	23.1%	14.5%	<a href="#">Link</a>
BMP	Xây dựng và Vật liệu	144.0	0.21%	1.0	11,788	28.3	13,288	10.8	85.3%	38.6%	<a href="#">Link</a>
CTD	Xây dựng và Vật liệu	78.2	0.39%	1.4	7,815	73.4	3,238	24.2	48.9%	3.7%	<a href="#">Link</a>
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.3	0.90%	1.6	10,215	53.5	4,754	18.8	7.8%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.9	0.00%	1.5	3,270	29.6	3,738	13.9	8.0%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.00%	1.5	5,252	67.8	1,103	11.0	8.2%	5.2%	<a href="#">Link</a>
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.5	0.67%	1.5	8,029	47.8	1,217	18.5	16.6%	8.0%	<a href="#">Link</a>
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.6	0.00%	1.5	12,930	138.9	988	21.9	7.0%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.0	6.67%	1.7	19,727	66.4	2,720	16.2	5.5%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

**DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY**

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		<a href="#">Click</a>
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		<a href="#">Click</a>
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		<a href="#">Click</a>
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		<a href="#">Click</a>
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		<a href="#">Click</a>
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		<a href="#">Click</a>
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		<a href="#">Click</a>
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	<a href="#">Click</a>
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	<a href="#">Click</a>
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	<a href="#">Click</a>
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	<a href="#">Click</a>
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	<a href="#">Click</a>
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	<a href="#">Click</a>
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		<a href="#">Click</a>

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

### Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

**Trần Thăng Long**

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

**Bùi Nguyên Khoa**

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

**Phan Quốc Bửu**

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

### Nhóm vĩ mô thị trường

**Vũ Việt Anh**

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

**Trần Thanh Tùng**

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

**Phạm Thanh Thảo**

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

**Nguyễn Giang Anh**

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

**Lưu Diễm Ngọc**

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

**BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (024) 3935 2722  
Fax: (024) 2220 0669

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place  
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM  
Tel: (028) 3821 8885  
Fax: (028) 3821 8879

**Trung tâm Phân tích nghiên cứu**

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(024) 39352722 - Ext 108

**Đối với Khách hàng tổ chức**

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(024) 39264 659

**Đối với Khách hàng cá nhân**

i-center@bsc.com.vn  
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>